

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 05 – 4 – 2018  
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Lâm Hoài Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Tạ Thị Huế.

Bà Trần Kim Nguyễn.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M; cư trú tại ấp A, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T; cư trú tại ấp A, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về hôn nhân, bà Trần Thị M và ông Võ Minh T chung sống với nhau vào năm 1987 nhưng ông, bà không nhớ rõ ngày tháng, không có đăng ký kết hôn cũng không có tổ chức cưới gả theo phong tục. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà M trình bày là do ông T thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới vợ con và có mối quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác ở bên ngoài dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hiện bà không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn. Riêng ông T thừa nhận bà M trình bày về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn là đúng nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn, ông cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ do bà M ghen tuông vô cớ nên

mới xin ly hôn, hiện ông với bà M đã sống ly thân khoảng 05 tháng. Nay bà M xin ly hôn, ông cũng đồng ý.

Về con chung là Võ Minh Ly, sinh năm 1988 và Võ Văn Le, sinh năm 1988. Hiện các con của ông T, bà M đã trưởng thành nên khi ly hôn, ông bà không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung, ông T và bà M khai không có. Đồng thời, do bận công việc làm ăn nên ông T xin Tòa án cho ông vắng mặt trong các lần xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng, ông T đã trực tiếp tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc yêu cầu trên của ông T phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về hôn nhân, ông T và bà M chung sống với nhau vào năm 1987 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay bà M, ông T đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt. Xét mâu thuẫn thực tế được ông, bà trình bày là có thật. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Võ Minh Ly, sinh năm 1988 và Võ Văn Le, sinh năm 1988. Hiện các con của ông T, bà M đã thành niên nên khi ly hôn, ông bà không đặt ra yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, ông T và bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà M phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Trần Thị M và ông Võ Minh T.

- Về con chung là Võ Minh Ly, sinh năm 1988 và Võ Văn Le, sinh năm 1988. Hiện các con của bà Trần Thị M, ông Võ Minh T đã thành niên nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung, bà Trần Thị M và ông Võ Minh T khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Trần Thị M phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 05/3/2018, bà M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000420 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Bà M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Lâm Hoài Ân**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.